

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Môn thi: Kỹ năng nói

Phòng thi: B1.303

Ngày thi: 23/02/2022

Ca thi: 13h00

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0031	LÊ QUỐC	ĐẠT	20/05/1999			
2	TA0032	PHẠM TIẾN	ĐẠT	01/10/1999			
3	TA0033	TRỊNH THÀNH	ĐẠT	04/09/1999			
4	TA0034	PHẠM TIẾN	ĐẠT	03/10/1999			
5	TA0035	TRẦN MINH	ĐẠT	05/05/1998			
6	TA0036	ĐỖ TUẤN	ĐẠT	07/08/1999			
7	TA0037	NGUYỄN PHƯƠNG	ĐÔNG	16/06/1982			
8	TA0038	NGUYỄN KHẮC	ĐÔNG	22/07/1999			
9	TA0039	ĐỖ NGỌC	ĐỨC	26/04/1999			
10	TA0040	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	20/06/1999			
11	TA0041	PHAN MINH	ĐỨC	13/11/1999			
12	TA0042	NGUYỄN MINH	ĐỨC	02/02/1999			
13	TA0043	ĐỖ MẠNH	DŨNG	27/02/1999			
14	TA0044	ĐỖ XUÂN	DŨNG	03/08/1999			
15	TA0045	ĐOÀN HẢI	DƯƠNG	29/01/1999			
16	TA0046	ĐẶNG VĂN	DUY	13/08/1999			
17	TA0047	NGUYỄN ĐỨC KHÁNH	DUY	21/09/2000			
18	TA0048	LÊ MINH	GIANG	14/09/1999			
19	TA0049	TRỊNH PHAN HOÀNG	GIANG	12/10/1999			
20	TA0050	NGHIÊM HƯƠNG	GIANG	29/02/2000			
21	TA0051	ĐINH BẢO	HÀ	14/06/1981			
22	TA0052	PHẠM LÊ	HÀ	24/08/1975			
23	TA0053	LÔ VĂN	HẢI	10/08/1998			
24	TA0054	MAI HOÀNG	HẢI	20/10/1999			
25	TA0055	NGÔ THỊ	HIỀN	03/11/1999			
26	TA0056	VƯƠNG NGỌC	HIỀN	30/01/1999			

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
27	TA0057	NGUYỄN QUỐC	HIỆP	19/05/1999			
28	TA0058	ĐINH QUỐC	HIẾU	25/09/1999			
29	TA0059	ĐÀO VĂN	HIẾU	20/07/1999			
30	TA0060	NGUYỄN VĂN	HIẾU	11/03/1999			
31	TA0061	LÙ MINH	HIẾU	16/03/1999			
32	TA0062	ĐÀO MINH	HIẾU	08/12/1999			
33	TA0063	LẠI THỊ THANH	HOA	30/03/1999			
34	TA0064	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	05/06/1999			
35	TA0065	CHU VIỆT	HOÀNG	24/01/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)